



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BẮC HÀ

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2017

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 23

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Đồng Quốc Cường	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Thập	Ủy viên
Ông Nguyễn Ngọc Lâm	Ủy viên
Ông Nguyễn Cảnh Sơn	Ủy viên
Ông Nguyễn Danh Quân	Ủy viên
Bà Lê Thị Quỳnh Chi	Ủy viên
Ông Phan Thanh Hải	Ủy viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Thập	Tổng Giám đốc
Ông Trần Văn Thái	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lương Quốc Hưng	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

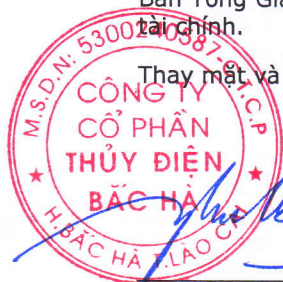
Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Văn Thập
Tổng Giám đốc

Ngày 02 tháng 03 năm 2018

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 02 tháng 3 năm 2018, từ trang 05 đến trang 23, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như trình bày tại Thuyết minh số 10 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty chưa xác định và ghi nhận tiền lãi chậm nộp các khoản thuế (bao gồm thuế giá trị gia tăng, thuế tài nguyên). Theo Thông báo số 10116/TB-CT ngày 13 tháng 12 năm 2017 của Cục Thuế tỉnh Lào Cai, số tiền Công ty bị phạt chậm nộp các khoản thuế (bao gồm thuế giá trị gia tăng, thuế tài nguyên) tính đến ngày 30 tháng 11 năm 2017 nhưng chưa được Công ty ghi nhận khoảng 3,6 tỷ VND. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

Chúng tôi không nhận được thư xác nhận đối với khoản phải trả Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 18 ("Licogi 18") với số tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là khoảng 83 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là khoảng 97 tỷ VND). Đồng thời, Công ty và Licogi 18 cũng chưa thống nhất về các khoản lãi có thể phát sinh do chậm thanh toán công nợ cho Licogi 18. Các thủ tục kiểm toán thay thế cũng không cung cấp cho chúng tôi đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp về giá trị các khoản phải trả nêu trên. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ các ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như trình bày tại Thuyết minh số 2 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, nợ ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền khoảng 230,1 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 khoảng 287,7 tỷ VND), lỗ lũy kế tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 khoảng 32,8 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: khoảng 96 tỷ VND). Các dấu hiệu này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Các kế hoạch của Ban Tổng Giám đốc liên quan đến vấn đề này được trình bày tại Thuyết minh số 2. Báo cáo tài chính kèm theo chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể có phát sinh từ sự kiện không chắc chắn này.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.



Khúc Thị Lan Anh
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0036-2018-001-1

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 02 tháng 3 năm 2018
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Nguyễn Tiến Quốc
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 3008-2014- 001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Phân loại lại)
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		73.983.184.221	58.665.083.613
I. Tiền	110	4	1.499.653.678	627.232.038
1. Tiền	111		1.499.653.678	627.232.038
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		72.483.530.543	58.037.851.575
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	57.754.496.821	42.575.174.600
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	5.255.236.437	6.977.746.110
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	9.473.797.285	8.484.930.865
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.069.250.049.867	2.160.655.004.314
I. Tài sản cố định	220		2.069.013.548.129	2.147.353.476.711
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	2.069.013.548.129	2.147.353.476.711
- Nguyên giá	222		2.589.716.833.705	2.569.108.438.737
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(520.703.285.576)	(421.754.962.026)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	13.052.329.944
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	13.052.329.944
III. Tài sản dài hạn khác	260		236.501.738	249.197.659
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		236.501.738	249.197.659
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		2.143.233.234.088	2.219.320.087.927

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Phân loại lại)
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.526.054.819.019	1.665.312.890.822
I. Nợ ngắn hạn	310		304.168.644.367	346.422.716.170
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	9	160.496.722.057	231.582.986.817
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	10	30.415.540.244	20.405.269.126
3. Phải trả người lao động	314		993.285.155	984.982.480
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	11	12.276.979.848	29.246.425.330
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	12	2.982.117.063	2.211.052.417
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	13	97.004.000.000	61.992.000.000
II. Nợ dài hạn	330		1.221.886.174.652	1.318.890.174.652
1. Chi phí phải trả dài hạn	333	11	54.120.000.000	54.120.000.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	14	1.167.766.174.652	1.264.770.174.652
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		617.178.415.069	554.007.197.105
I. Vốn chủ sở hữu	410	15	617.178.415.069	554.007.197.105
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		650.000.000.000	650.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		650.000.000.000	650.000.000.000
2. (Lỗ) lũy kế	421		(32.821.584.931)	(95.992.802.895)
- (Lỗ) lũy kế đến cuối năm trước	421a		(95.992.802.895)	(106.740.620.082)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		63.171.217.964	10.747.817.187
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		2.143.233.234.088	2.219.320.087.927


Tống Văn Long
Người lập biểu

Ngày 02 tháng 3 năm 2018


Tạ Hồng Diệu
Kế toán trưởng


Nguyễn Văn Thập
Tổng Giám đốc



Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm trước	
			Năm nay	(Phân loại lại)
1. Doanh thu bán hàng	01	16	329.222.107.312	265.925.205.840
2. Doanh thu thuần về bán hàng (10=01)	10		329.222.107.312	265.925.205.840
3. Giá vốn hàng bán	11	17	112.736.467.645	110.023.630.042
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng (20=10-11)	20		216.485.639.667	155.901.575.798
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21		16.532.527	830.244.736
6. Chi phí tài chính	22	19	139.622.300.687	137.765.737.258
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		138.302.252.923	137.765.737.258
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	20	9.956.552.206	8.211.482.111
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-25)	30		66.923.319.301	10.754.601.165
9. Thu nhập khác	31		183.011.179	39.040.655
10. Chi phí khác	32	21	3.935.112.516	45.824.633
11. (Lỗ) khác (40=31-32)	40		(3.752.101.337)	(6.783.978)
12. Lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		63.171.217.964	10.747.817.187
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	22	-	-
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		63.171.217.964	10.747.817.187
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	23	972	165



Tổng Văn Long
Người lập biểu



Tạ Hồng Diệu
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Thập
Tổng Giám đốc

Ngày 02 tháng 3 năm 2018

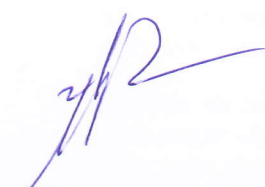
Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	63.171.217.964	10.747.817.187
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	02	98.948.323.550	97.247.324.640
- Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	1.320.047.764	(361.814.234)
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(16.532.527)	(468.430.502)
- Chi phí lãi vay	06	138.302.252.923	137.765.737.258
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	301.725.309.674	244.930.634.349
- Thay đổi các khoản phải thu	09	(12.723.169.295)	2.966.249.140
- Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	10.163.735.345	(10.725.523.361)
- Thay đổi chi phí trả trước	12	12.695.921	370.741.903
- Tiền lãi vay đã trả	13	(154.036.212.711)	(139.393.874.061)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	145.142.358.934	98.148.227.970
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(82.294.469.821)	(55.352.594.673)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	16.532.527	468.430.502
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(82.277.937.294)	(54.884.164.171)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(61.992.000.000)	(43.834.425.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(61.992.000.000)	(43.834.425.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	872.421.640	(570.361.201)
Tiền đầu năm	60	627.232.038	1.197.593.239
Tiền cuối năm (70=50+60)	70	1.499.653.678	627.232.038



Tổng Văn Long
Người lập biểu

Tạ Hồng Diệu
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Thập
Tổng Giám đốc

Ngày 02 tháng 3 năm 2018

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà (gọi tắt là "Công ty") là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5300240587 ngày 18 tháng 02 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai cấp và các giấy chứng nhận kinh doanh điều chỉnh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 84 (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 86).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Xây dựng công trình công ích: Chi tiết: Xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, bưu điện, công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp, xây dựng công trình cấp thoát nước; đầu tư kinh doanh các công trình thủy điện nhỏ và vừa;
- Xây dựng các công trình đường dây và trạm biến áp, sản xuất kinh doanh máy móc, thiết bị, vật tư, vật liệu xây dựng;
- Sản xuất truyền tải điện và phân phối điện;
- Tiếp nhận vận tải, vật tư thiết bị;
- Kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, trồng rừng;
- Khai thác, lọc nước, phục vụ sinh hoạt, công nghiệp và các mục đích khác;
- Kinh doanh dịch vụ khách sạn du lịch;
- Đầu tư tài chính vào các ngành nghề thuộc lĩnh vực mà Công ty kinh doanh.

Hoạt động chính của Công ty là quản lý và vận hành Nhà máy Thủy điện Bắc Hà.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Khả năng tiếp tục hoạt động

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, nợ ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền khoảng 230,1 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: khoảng 287,7 tỷ VND), lỗ lũy

kể tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 khoảng 32,8 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: khoảng 96 tỷ VND). Để đảm bảo khả năng hoạt động liên tục của Công ty, Ban Tổng Giám đốc Công ty tiếp tục thực hiện các biện pháp quản lý chặt chẽ, xây dựng hợp lý kế hoạch kinh doanh, phương án sử dụng nguồn lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh và nguồn khấu hao tài sản cố định hàng năm để thanh toán các khoản nợ. Ngoài ra, khoản vốn vay bổ sung với số tiền 120 tỷ VND để thanh toán công nợ cho các nhà thầu đã được các ngân hàng hợp vốn thẩm định, thông qua và ký kết Phụ lục hợp đồng vay ngày 12 tháng 12 năm 2017, hạn mức tín dụng Hợp đồng số 01/HĐTD-BH/2006 ký ngày 30 tháng 10 năm 2006 tăng từ 1.009.000.000.000 VND lên 1.129.000.000.000 VND. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng báo cáo tài chính được lập trên giả định Công ty hoạt động liên tục là phù hợp.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi không kỳ hạn.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:



	Năm nay
	Thời gian khấu hao
	(năm)
Nhà xưởng, vật kiến trúc	5 - 45
Máy móc, thiết bị	12 - 15
Phương tiện vận tải	12 - 20

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng của các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Các khoản chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán điện được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán điện được ghi nhận khi có biên bản xác nhận lượng điện phát lên lưới điện quốc gia.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các khoản lỗ tính thuế sẽ được kiểm tra và phê duyệt bởi cơ quan thuế địa phương và có thể được kết chuyển để bù trừ với lợi nhuận tính thuế của Công ty trong thời gian không quá 5 năm kể từ năm phát sinh lỗ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có khoản lỗ lũy kế là khoảng 32,8 tỷ VND, có thể kết chuyển để bù trừ với lợi nhuận tính thuế của các năm tiếp theo. Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan do không chắc chắn về lợi nhuận tính thuế trong tương lai.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	107.448.961	155.007.840
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.392.204.717	472.224.198
	1.499.653.678	627.232.038

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	(Phân loại lại)
		VND
Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	57.754.496.821	42.564.973.920
Phải thu đối tượng khác	-	10.200.680
	57.754.496.821	42.575.174.600

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty Cổ phần LICOGI số 1	4.070.727.740	4.027.522.740
Công ty Cổ phần LICOGI số 15	-	1.333.156.000
Viện Vật lý địa cầu	-	208.253.000
Các khoản khác	1.184.508.697	1.408.814.370
	5.255.236.437	6.977.746.110
Trả trước cho người bán là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 25)	4.070.727.740	5.360.678.740

7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>VND</u>	<u>(Phân loại lại)</u>
		<u>VND</u>
Tạm ứng	3.185.067.956	3.508.623.386
Phải thu khác	6.288.729.329	4.976.307.479
	9.473.797.285	8.484.930.865

8. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	<u>Nhà xưởng, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc, thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải</u>	<u>Cộng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ				
Số dư đầu năm	1.659.180.396.685	803.366.900.147	106.561.141.905	2.569.108.438.737
Quyết toán giá trị công trình hoàn thành	6.541.919.933	14.066.475.035	-	20.608.394.968
Số dư cuối năm	1.665.722.316.618	817.433.375.182	106.561.141.905	2.589.716.833.705
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư đầu năm	147.061.528.969	238.980.369.640	35.713.063.417	421.754.962.026
Khấu hao trong năm	37.232.131.802	53.097.259.764	8.618.931.984	98.948.323.550
Số dư cuối năm	184.293.660.771	292.077.629.404	44.331.995.401	520.703.285.576
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày cuối năm	1.481.428.655.847	525.355.745.778	62.229.146.504	2.069.013.548.129
Tại ngày đầu năm	1.512.118.867.716	564.386.530.507	70.848.078.488	2.147.353.476.711

Nguyên giá các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 2.083.224.862 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 2.030.622.614 VND).

Như trình bày tại Thuyết minh số 14, Công ty đã thế chấp toàn bộ giá trị tài sản hình thành từ Dự án xây dựng Nhà máy Thủy điện Bắc Hà với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 2.069.013.548.129 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 2.147.353.476.711 VND) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

9. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng	Giá trị	Số có khả năng
	VND	trả nợ	VND	trả nợ
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Licogi số 18	83.055.860.731	83.055.860.731	97.065.807.090	97.065.807.090
Công ty TNHH MTV Cơ khí Đông Anh	22.953.111.250	22.953.111.250	32.653.111.250	32.653.111.250
Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt	9.447.298.134	9.447.298.134	20.136.737.720	20.136.737.720
Công ty Cổ phần LILAMA 10	6.381.746.185	6.381.746.185	18.181.746.185	18.181.746.185
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng 20	15.523.542.808	15.523.542.808	16.124.656.808	16.124.656.808
Xí nghiệp khảo sát xây dựng điện 1	4.811.590.963	4.811.590.963	13.811.590.963	13.811.590.963
Công ty Cổ phần LICOGI 14	4.062.612.929	4.062.612.929	4.862.612.929	4.862.612.929
Công ty Tư vấn điện I	2.619.197.375	2.619.197.375	9.305.062.894	9.305.062.894
Công ty Cổ phần Lắp máy điện nước LICOGI	3.249.964.946	3.249.964.946	4.078.695.444	4.078.695.444
Các đối tượng khác	8.391.796.736	8.391.796.736	15.362.965.534	15.362.965.534
	160.496.722.057	160.496.722.057	231.582.986.817	231.582.986.817
Phải trả người bán là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 25)	130.331.101.443		155.902.687.300	

Khoản vốn vay bổ sung với số tiền 120 tỷ VND để thanh toán công nợ cho các nhà thầu của Công ty đã được các ngân hàng hợp vốn thẩm định, thông qua và ký kết Phụ lục hợp đồng vay ngày 12 tháng 12 năm 2017, hạn mức tín dụng Hợp đồng số 01/HĐTD-BH/2006 ký ngày 30 tháng 10 năm 2006 tăng từ 1.009.000.000.000 VND lên 1.129.000.000.000 VND. Do đó, Công ty đánh giá sau khi được giải ngân các khoản vay bổ sung này, Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ cho nhà cung cấp.

10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Số cuối năm
	VND	trong năm	trong năm	VND
		VND	VND	
Thuế giá trị gia tăng	7.317.865.297	37.505.981.701	30.054.844.349	14.769.002.649
Thuế thu nhập cá nhân	221.632.500	86.259.895	250.080.647	57.811.748
Thuế tài nguyên	9.049.202.732	30.902.943.574	28.740.592.048	11.211.554.258
Thuế bảo vệ môi trường	3.816.568.597	8.034.328.332	7.473.725.340	4.377.171.589
	20.405.269.126	76.529.513.502	66.519.242.384	30.415.540.244

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty đang trong quá trình làm việc với cơ quan thuế để xác định lại số tiền phải nộp ngân sách, theo đó Công ty chưa ghi nhận các khoản tiền lãi chậm nộp các khoản thuế (bao gồm thuế giá trị gia tăng, thuế tài nguyên). Theo Thông báo số 10116/TB-CT ngày 13 tháng 12 năm 2017 của Cục Thuế tỉnh Lào Cai, số tiền Công ty bị phạt chậm nộp các khoản thuế (bao gồm thuế giá trị gia tăng, thuế tài nguyên) tính đến ngày 30 tháng 11 năm 2017 nhưng chưa được Công ty ghi nhận khoảng 3,6 tỷ VND.

11. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
a. Ngắn hạn	12.276.979.848	29.246.425.330
Lãi vay phải trả	11.844.448.925	27.578.408.713
Chi phí phải trả khác	432.530.923	1.668.016.617
b. Dài hạn	54.120.000.000	54.120.000.000
Lãi vay phải trả ân hạn (i)	54.120.000.000	54.120.000.000

(i) Khoản lãi vay ân hạn của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn – Chi nhánh Thăng Long với số tiền 54.120.000.000 VND có thời hạn thanh toán vào tháng 12 năm 2020, khoản lãi vay ân hạn này không bị tính lãi.

12. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Thuế giá trị gia tăng đầu ra tiền điện tháng 12 (i)	2.881.143.901	1.916.112.921
Các khoản phải trả khác	100.973.162	294.939.496
	2.982.117.063	2.211.052.417

(i) Thuế giá trị gia tăng đầu ra của doanh thu bán điện tháng 12 năm 2017 chưa phát hành hóa đơn.

CÔNG TY CỔ PHẦN THUY ĐIỆN BẮC HÀ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

13. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số đầu năm		Biến động trong năm				Số cuối năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND		
a) Vay ngắn hạn	4.000.000.000	4.000.000.000	-	4.000.000.000	-	-		
Công ty Cổ phần Licogi 9	4.000.000.000	4.000.000.000	-	4.000.000.000	-	-		
b) Vay dài hạn đến hạn trả (*)	57.992.000.000	57.992.000.000	97.004.000.000	57.992.000.000	97.004.000.000	97.004.000.000		
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long	50.000.000.000	50.000.000.000	65.000.000.000	50.000.000.000	65.000.000.000	65.000.000.000		
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Lào Cai	7.992.000.000	7.992.000.000	32.004.000.000	7.992.000.000	32.004.000.000	32.004.000.000		
	61.992.000.000	61.992.000.000	97.004.000.000	61.992.000.000	97.004.000.000	97.004.000.000		

(*) Khoản vốn vay bổ sung với số tiền 120 tỷ VND để thanh toán công nợ cho các nhà thầu của Công ty đã được các ngân hàng hợp vốn thẩm định, thông qua và ký kết Phụ lục hợp đồng vay ngày 12 tháng 12 năm 2017, hạn mức tín dụng Hợp đồng số 01/HĐTD-BH/2006 ký ngày 30 tháng 10 năm 2006 tăng từ 1.009.000.000.000 VND lên 1.129.000.000.000 VND. Do đó, Công ty đánh giá sau khi được giải ngân khoản vay bổ sung này, Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ cho nhà cung cấp; dòng tiền thu được từ hoạt động kinh doanh sẽ đảm bảo khả năng thanh toán cho các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BẮC HÀ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

MÃU SỐ B 09-DN

14. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số đầu năm		Biến động trong năm			Số cuối năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long (i)	903.698.469.787	903.698.469.787	-	50.000.000.000	853.698.469.787	853.698.469.787	
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Lào Cai (ii)	419.063.704.865	419.063.704.865	-	7.992.000.000	411.071.704.865	411.071.704.865	
	1.322.762.174.652	1.322.762.174.652	-	57.992.000.000	1.264.770.174.652	1.264.770.174.652	

Trong đó:

- Số phải trả trong vòng 12 tháng
(Chi tiết xem Thuyết minh số 13)

57.992.000.000

97.004.000.000

- Số phải trả sau 12 tháng

1.264.770.174.652

1.167.766.174.652

- (i) Ngày 30 tháng 10 năm 2006, Công ty ký Hợp đồng tín dụng số 01/HĐTD-BH/2006 với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long với số tiền vay là 844 tỷ VND. Thời hạn vay là 162 tháng kể từ ngày Bên vay nhận được khoản giải ngân đầu tiên theo kế ước nhận nợ. Thời hạn ân hạn là 42 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên. Mức lãi suất áp dụng cho số dư nợ gốc của các khoản vay trong mỗi kỳ hạn tính lãi là tỷ lệ phần trăm theo năm bằng tổng của lãi suất huy động tiết kiệm bình quân và lãi suất biến là 3,6%/năm. Ngày 29 tháng 12 năm 2012, Công ty ký Phụ lục hợp đồng tín dụng số 07/PLTD-BH/2012 về việc tăng hạn mức tín dụng và cơ cấu nợ vay. Ngày 30 tháng 5 năm 2013, Công ty ký Phụ lục hợp đồng tín dụng số 08/PLTD-BH/2013 về việc cơ cấu nợ, gia hạn và điều chỉnh lại kỳ hạn tính lãi, cơ cấu điều gốc, lãi. Ngày 30 tháng 3 năm 2015, Công ty ký Phụ lục hợp đồng tín dụng số 09/PLHD-BH/2015 về việc điều chỉnh lại kỳ hạn tính lãi, cơ cấu điều hạn mức tín dụng mới là 1.129.000.000.000 VND.

- (ii) Khoản vay dài hạn từ Ngân hàng Phát triển Lào Cai theo hai hợp đồng sau:

- Hợp đồng vay vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước số 05/2006/HĐTD ngày 27 tháng 12 năm 2006 giữa Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Lào Cai và Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng; Hợp đồng sửa đổi số 01/2008/HDSĐ ngày 09 tháng 7 năm 2008 giữa Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Lào Cai, Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng và Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà; Hợp đồng sửa đổi số 02/2010/HDSĐ ngày 23 tháng 11 năm 2010; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng đầu tư số 03/2012/HDSĐ ngày 29 tháng 6 năm 2012. Các Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 04/2012/HDSDBS ngày 03 tháng 7 năm 2012, số 05/2013/HDSDBS ngày 06 tháng 3 năm 2013 và số 06/2013/HĐTĐT-NHPT ngày 03 tháng 12 năm 2013. Hạn mức tín dụng của Hợp đồng là 156 tỷ đồng, cho mục đích đầu tư các hạng mục dự án: phục vụ di dân giải phóng mặt bằng; mua sắm thiết bị sản xuất trong nước gồm đập tràn, cửa nhận nước, đường ống áp lực, cần trục cục bộ máy, cửa dẫn nước ra, tước bin phát máy (nếu có) theo đúng nội dung Dự án đầu tư được phê duyệt. Thời hạn cho vay là 168 tháng (14 năm) kể từ ngày Bên vay nhận được khoản giải ngân đầu tiên theo kế ước nhận nợ (ngày 31 tháng 10 năm 2007). Thời hạn ân hạn 49 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên. Thời hạn trả nợ gốc 119 tháng, thời điểm bắt đầu trả nợ gốc là tháng 11 năm 2011. Lãi suất nợ trong hạn là 7,8%/năm tính trên dư nợ. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn (tính trên nợ gốc và lãi chậm trả) là 11,7%/năm.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BẮC HÀ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN

- Ngày 13 tháng 6 năm 2009, Công ty ký Hợp đồng vay số 02/2009 với Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Lào Cai với hạn mức tín dụng là 315 tỷ VND cho mục đích đầu tư các hạng mục Dự án Công trình Nhà máy Thủy điện Bắc Hà; thời hạn vay 120 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên theo kế ước nhận nợ, thời gian ân hạn 24 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên. Lãi suất nợ trong hạn được áp dụng cho từng lần giải ngân, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Công ty tiếp tục ký Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 01/2009/HĐSD ngày 10 tháng 9 năm 2009 thay đổi về điều khoản giải ngân của Hợp đồng số 02/2009. Ngày 31 tháng 8 năm 2011, Công ty ký Hợp đồng tín dụng đầu tư bổ sung số 01/2011/HĐTD DTBS-NHPT với các điều khoản vẫn giữ nguyên theo Hợp đồng vay số 02/2009.

Công ty đã thế chấp toàn bộ giá trị tài sản hình thành từ Dự án xây dựng Nhà máy Thủy điện Bắc Hà để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trong vòng một năm	97.004.000.000	57.992.000.000
Trong năm thứ hai	107.004.000.000	87.004.000.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	376.012.000.000	321.012.000.000
Sau năm năm	684.750.174.652	856.754.174.652
	1.264.770.174.652	1.322.762.174.652
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	97.004.000.000	57.992.000.000
Số phải trả sau 12 tháng	1.167.766.174.652	1.264.770.174.652

CÔNG TY CỔ PHẦN THUY ĐIỆN BẮC HÀ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu		(Lỗ) lũy kế	Công
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	650.000.000.000	(106.740.620.082)	543.259.379.918	
Lợi nhuận trong năm	-	10.747.817.187	10.747.817.187	
Số dư đầu năm nay	650.000.000.000	(95.992.802.895)	554.007.197.105	
Lợi nhuận trong năm	-	63.171.217.964	63.171.217.964	
Số dư cuối năm nay	650.000.000.000	(32.821.584.931)	617.178.415.069	

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh lần thứ sáu ngày 19 tháng 3 năm 2015, vốn điều lệ của Công ty là 650.000.0000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp như sau:

Tên cổ đông	Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh		Vốn đã góp tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	
	VND	%	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng - Công ty Cổ phần	286.576.070.000	44,09%	286.576.070.000	280.377.270.000
Công ty Cổ phần Hưng Doanh Việt	166.000.000.000	25,54%	166.000.000.000	166.000.000.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt	60.000.000.000	9,23%	60.000.000.000	60.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Bắc Hà	58.500.000.000	9,00%	58.500.000.000	58.500.000.000
Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Mặt trời Mới	43.266.000.000	6,66%	43.266.000.000	43.266.000.000
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	-	0,00%	-	13.833.330.000
Các cổ đông khác	35.657.930.000	5,49%	35.657.930.000	28.023.400.000
	650.000.000.000	100%	650.000.000.000	650.000.000.000

Cổ phiếu

Toàn bộ cổ phiếu của Công ty là cổ phiếu phổ thông đang được lưu hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

16. DOANH THU BÁN HÀNG

	Năm nay	Năm trước
	VND	(Phân loại lại)
		VND
Doanh thu điện phát lưới	329.222.107.312	265.925.205.840
	329.222.107.312	265.925.205.840

17. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay	Năm trước
	VND	(Phân loại lại)
		VND
Giá vốn phát điện	112.736.467.645	110.023.630.042
	112.736.467.645	110.023.630.042

18. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
	VND	(Phân loại lại)
		VND
Chi phí nhân công	15.591.398.829	13.104.111.808
Chi phí khấu hao tài sản cố định	98.948.323.550	97.247.324.640
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.559.677.454	5.197.995.469
Chi phí khác bằng tiền	3.593.620.018	2.685.680.236
	122.693.019.851	118.235.112.153

19. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	(Phân loại lại)
	VND	VND
Chi phí lãi vay	138.302.252.923	137.765.737.258
Khác	1.320.047.764	-
	139.622.300.687	137.765.737.258

20. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	6.179.244.870	5.196.857.211
Chi phí bằng tiền khác	3.777.307.336	3.014.624.900
	9.956.552.206	8.211.482.111

21. CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Phạt hành chính, chậm nộp thuế	2.389.139.482	-
Khác	1.545.973.034	45.824.633
	3.935.112.516	45.824.633

22. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi trước thuế	63.171.217.964	10.747.817.187
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	-	-
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	3.935.112.516	-
Chuyển lỗ	67.106.330.480	10.747.817.187
Thu nhập chịu thuế	-	-
Thuế suất thông thường	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	-
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

23. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận trong năm (VND)	63.171.217.964	10.747.817.187
Số trích quỹ khen thưởng (VND)	-	-
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	63.171.217.964	10.747.817.187
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (Cổ phiếu)	65.000.000	65.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	972	165

24. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Theo Hợp đồng thuê đất số 314/HĐTĐ ngày 09 tháng 9 năm 2008 ký với Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai, Công ty thuê diện tích 8.568.177 m² đất tại các huyện: Bắc Hà, Mường Khương và Si Ma Cai, tỉnh Lào Cai để xây dựng Nhà máy Thủy điện Bắc Hà. Tiền thuê đất sẽ được thanh toán hàng năm theo đơn giá của cơ quan thuế, thời gian thuê theo Hợp đồng là từ ngày 13 tháng 9 năm 2007 đến ngày 30 tháng 12 năm 2047. Căn cứ vào Quyết định số 1347/QĐ-CT ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Cục thuế tỉnh Lào Cai, Công ty được miễn tiền thuê đất từ tháng 9 năm 2007 đến hết tháng 8 năm 2026 tương ứng với số tiền là 90.711.663.000 VND.

25. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng - Công ty Cổ phần ("Licogi")	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 18	Nhận vốn góp từ Licogi
Công ty Cổ phần LICOGI 1	Nhận vốn góp từ Licogi
Công ty Cổ phần LICOGI 15	Nhận vốn góp từ Licogi
Công ty Cổ phần LICOGI 14	Nhận vốn góp từ Licogi
Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9	Nhận vốn góp từ Licogi
Công ty Cổ phần Lắp máy điện nước Licogi	Nhận vốn góp từ Licogi
Công ty TNHH MTV Cơ khí Đông Anh	Nhận vốn góp từ Licogi
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng 20	Nhận vốn góp từ Licogi
Công ty Cổ phần Xây dựng cấp thoát nước và hạ tầng kỹ thuật Licogi	Nhận vốn góp từ Licogi

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<u>Năm nay</u> <u>VND</u>	<u>Năm trước</u> <u>VND</u>
Mua hàng	2.168.571.819	60.758.730.125
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 18	-	32.370.120.479
Công ty TNHH MTV Cơ khí Đông Anh	-	13.183.442.404
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng 20	-	7.281.445.798
Công ty Cổ phần LICOGI 14	-	7.085.920.570
Công ty Cổ phần Lắp máy điện nước Licogi	-	120.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng cấp thoát nước và hạ tầng kỹ thuật Licogi	-	523.681.727
Công ty Cổ phần LICOGI 15	1.972.208.182	122.119.147
Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng - Công ty Cổ phần	196.363.637	72.000.000

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính:

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Trả trước cho người bán	4.070.727.740	5.360.678.740
Công ty Cổ phần LICOGI số 1	4.070.727.740	4.027.522.740
Công ty Cổ phần LICOGI 15	-	1.333.156.000
Phải trả người bán	130.331.101.443	155.902.687.300
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 18	83.055.860.731	97.065.807.090
Công ty TNHH MTV Cơ khí Đông Anh	22.953.111.250	32.653.111.250
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng 20	15.523.542.808	16.124.656.808
Công ty Cổ phần LICOGI 14	4.062.612.929	4.362.612.929
Công ty Cổ phần Lắp máy điện nước Licogi	3.249.964.946	4.078.695.444
Công ty Cổ phần Xây dựng cấp thoát nước và hạ tầng kỹ thuật Licogi	1.486.008.779	1.617.803.779
Vay ngắn hạn	-	4.000.000.000
Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9	-	4.000.000.000
Chi phí lãi vay phải trả	1.244.609.722	1.200.000.000
Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9	1.244.609.722	1.200.000.000

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Thu nhập Ban Tổng Giám đốc	1.005.677.142	870.067.165

26. ĐIỀU CHỈNH HỒI TỐ

Một số số liệu của kỳ báo cáo trước có sai sót đã được Công ty điều chỉnh/phân loại hồi tố, cụ thể như sau:

Đơn vị: VND

Chi tiêu	Mã số	Số đầu năm (Trước điều chỉnh/phân loại lại)	Điều chỉnh /phân loại hồi tố	Số đầu năm (Sau điều chỉnh/phân loại lại)
TÀI SẢN				
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	46.812.372.279	(4.237.197.679)	42.575.174.600
Phải thu ngắn hạn khác	136	4.247.733.186	4.237.197.679	8.484.930.865

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Chi tiêu	Mã số	Số đầu năm (Trước điều chỉnh/phân loại lại)	Điều chỉnh /phân loại hồi tố	Số đầu năm (Sau điều chỉnh/phân loại lại)
Doanh thu bán hàng	01	294.671.225.083	(28.746.019.243)	265.925.205.840
Doanh thu thuần về bán hàng	10	294.671.225.083	(28.746.019.243)	265.925.205.840
Giá vốn hàng bán	11	138.769.649.285	(28.746.019.243)	110.023.630.042


Tổng Văn Long
 Người lập biểu


Tạ Hồng Diệu
 Kế toán trưởng


Nguyễn Văn Thập
 Tổng Giám đốc

Ngày 02 tháng 3 năm 2018